ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TÂN TẬP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4806/QĐ-UBND	*Tân Tập, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông kết nối ấp Tân Quí – ấp Tân Quang 2

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN TẬP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 17/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 và Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD, số 12/2021/TT-BXD, số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-SXD ngày 06/6/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Long An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, đơn giá nhân công tư vấn xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4456/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND xã Tân Tập về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường giao thông kết nối ấp Tân Quí – ấp Tân Quang 2;

Căn cứ Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND xã Tân Tập về việc điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã;

Căn cứ Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 05/5/2026 của UBND xã Tân Tập về việc điều chỉnh chủ đầu tư để thực hiện các dự án, công trình đầu tư công trong năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/5/2026 của HĐND xã Tân Tập điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Văn bản thông báo kết quả thẩm định số 789/TĐ-PKT ngày 11/5/2026 của Phòng Kinh tế;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 790/TTr-PKT ngày 11/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông kết nối ấp Tân Quí – ấp Tân Quang 2, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông kết nối ấp Tân Quí – ấp Tân Quang 2.

2. Mã số thông tin công trình: 8204359.

3. Địa điểm xây dựng: xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Tân Tập.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xã Tân Tập.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công; tổ chức thẩm tra:

6.1. Nhà thầu khảo sát địa hình, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty TNHH TVTK XD 3G.

6.2. Tổ chức thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty TNHH XD TM DV Kiến Hưng Contrucsion.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm C; công trình giao thông, cấp IV.

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng Đường giao thông kết nối ấp Tân Quí – Ấp Tân Quang 2 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, vận chuyển hàng hóa; hình thành mạng lưới giao thông kết nối các ấp, từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của xã Tân Tập; cải thiện đời sống dân cư, tạo vẻ mỹ quan, bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn xã và khu vực lân cận.

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Theo hồ sơ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng số 222/TK3G-2026 ngày 08/5/2026 do Công ty TNHH TVTK XD 3G lập; Báo cáo kết quả thẩm tra số 74/TTRKH.2026 ngày 11/5/2026 của Công ty TNHH XD TM DV Kiến Hưng Contrucsion và kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế tại Văn bản số 789/TĐ-PKT ngày 11/5/2026, bao gồm các nội dung chính sau:

Quy mô xây dựng:

a. Phần mặt đường:

- Chiều dài đoạn tuyến thiết kế: L= 1.461m.

- Thiết kế mặt cắt ngang:

+ Mặt đường: 2 × 2,5 m = 5,0 m;
+ Lề đường: 2 × 1,0 m = 2,0 m;
+ Tổng cộng nền đường rộng: 7,0 m;
+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 2,0%;
+ Mái dốc taluy: m = 1,0.

- Thiết kế trắc dọc căn cứ vào cao độ hiện trạng của công trình, cao độ các tuyến đường lân cận trong khu vực, để đảm bảo hài hòa với các tuyến đường trong khu vực và tận dụng lại được mặt bê tông hiện hữu nên cao độ thiết kế được chọn như sau:

+ Cao độ đầu tuyến vuốt vào đường đá hiện hữu.

+ Cao độ cuối tuyến vuốt vào đường đan +1,56 m.

+ Cao độ tim đường có điểm cao nhất là +1,67 m và thấp nhất là +1,20 m.

+ Cao độ lấy theo cao độ VN2000.

- Kết cấu mặt đường làm mới từ km0+000 đến km1+461:

+ BTXM mặt đường mác 250 dày 20 cm, cắt khe co (jont) quy cách 1×4cm;
+ Xoa phẳng mặt bằng máy, lăn gai tạo nhám;
+ Lớp ni lông chống mất nước vữa BTXM;
+ Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 25 cm, đầm chặt K ≥ 0,98
+ Lớp cát lấp khuôn đường dày 80 cm, đầm chặt K ≥ 0,95
+ Lớp vải địa kỹ thuật ART 15 (hoặc tương đương) bó khuôn cát.
+ Đào hạ khuôn đường đến đáy kết cấu; đất đào được tận dụng đắp lề, taluy.
- Kết cấu lề, taluy:
+ Đắp đất taluy bằng đất đào tận dụng, K ≥ 0,90

b. Phần hệ thống điện chiếu sáng:

- Khoảng cách: 30 m/trụ;

- Loại đèn: Đèn LED 100W;

- Cần đèn: làm bằng ống thép tráng kẽm (STK) D60, chiều cao 2 m, vươn xa 1,5 m cho tuyến chiếu sáng lắp trên trụ BTLT đơn.

c. Phần cây xanh:

- Khoảng cách: 10 m/cây;

- Loại cây: cây xanh.

d. Phần cấp nước.

e. Phần di dời trụ điện.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

1) Về khảo sát:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung;	TCVN 9398:2012
2	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS41:2022/TCĐBVN

2) Về thiết kế:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN	MÃ HIỆU
	Phần đường – thoát nước – cấp nước	
1	Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng;	QCVN 01:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;	QCVN 02:2021/BXD
3	Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
4	Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
5	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng có khe nối trong công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
6	Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài, Tiêu chuẩn thiết kế;	TCVN 7957:2023

3) Về vật liệu:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Thép cacbon cán nóng dùng cho xây dựng.	TCVN 5709:2024
2	Que hàn điện bọc thuốc dùng cho thép cacbon và thép hợp kim thấp - Ký hiệu	TCVN 3223:2013
3	Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2024
4	Xi măng Portland	TCVN 2682:2020
5	Xi măng Portland hỗn hợp	TCVN 6260:2020
6	Phụ gia hóa học cho bê tông	TCVN 8826:2024
7	Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang dẻo nhiệt – Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791:2018
8	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018

9	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
10	Ống bê tông cốt thép thoát nước - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 9113:2025

4) Về chiếu sáng:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - yêu cầu thiết kế	TCVN 13608:2023
2	Tiêu chuẩn Việt Nam – Đèn điện LED chiếu sáng đường phố – hiệu suất chiếu sáng	TCVN 12666:2019
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT

5) Về công tác nghiệm thu:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
2	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2025
3	Nền đường đắp đá - Thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 29:2020/TCĐBVN
4	Công tác đất. Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2024
5	Nền đường ô tô – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2024
6	Vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đường - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCVN 9844:2024

6) Bê tông – BTCT:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
2	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 5574:2018
3	Bê tông – Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2024

7) Về công tác an toàn:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU

1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn	QCVN 26:2025/BNNMT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung	QCVN 27:2025/BTNMT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại	QCVN 07:2025/BTNMT

- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng (làm tròn): **13.500.000.000 đồng.** *(Bằng chữ: Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 10.656.715.325 đồng.
+ *Phần đường:* *7.804.591.629 đồng.*
+ *Phần cống:* *1.245.487.723 đồng.*
+ *Phần hệ thống chiếu sáng:* *836.602.075 đồng.*
+ *Phần cây xanh:* *373.914.801 đồng.*
+ *Phần cấp nước:* *396.119.097 đồng.*
- Chi phí giải phóng mặt bằng: 753.181.548 đồng.
+ *Chi phí chỉnh lý đất đai:* *700.000.000 đồng.*
+ *Chi phí di dời trụ điện:* *53.181.548 đồng.*
- Chi phí quản lý dự án: 322.259.071 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 802.904.726 đồng.
- Chi phí khác: 243.658.606 đồng.
- Chi phí dự phòng: 721.280.724 đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 – 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã và nguồn vốn ngân sách xã.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên, phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư: Không có yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; không có bồi thường, hỗ trợ, tái định cư..

16. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Ban Quản lý dự án xã, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII – Phòng Giao dịch số 3 và các ngành chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- CVP, PCVP;
- PKT;
- Lưu: VT, KT;

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TÂN TẬP T. TÂY NINH

Nguyễn Hoài Thanh